

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2025/HS-PT
Ngày: 11-3-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Khánh

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Phụng

Ông Nguyễn Thiện Tâm

- Thư ký Tòa án: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 14/2025/TLPT-HS ngày 22 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo Lê Thị Lý D có kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Thùy L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2024/HS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Bị cáo không có kháng cáo: Lê Thị L1, sinh ngày 13/7/1985; tại huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn P và bà Đặng Thị K; bị cáo có chồng Trần Hoàng K1 và có 02 người con (lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2008); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa có hành vi phạm pháp luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

- Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo hoặc liên quan đến kháng cáo, kháng nghị không triệu tập:

- Người bị hại có kháng cáo: Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Bà Nguyễn Thị phương T, sinh ngày 11/5/1974; Địa chỉ: Số nhà A, đường T, phường I, quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lê Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 10/04/2024, Lê Thị L1 sinh năm 1985 cùng với Trần Thu T1, sinh năm 1983 đến nhà Nguyễn Thị Thùy L sinh năm 1993, địa chỉ: ấp R, xã T, huyện V để đòi tiền (theo L1 và T1 trình bày thì L còn nợ hơn 100 tỷ Việt Nam đồng). Lý điện thoại rủ anh Nguyễn Hồng T2 sinh năm 1996 cùng đến nhà L, T2 đi cùng với anh H (không rõ lai lịch) đến nhà chị L. Khi L1 đến nơi thấy chị Tô Thị T3 đang đứng trước cửa nhà nên L1 hỏi “ có L ở nhà không”, chị T3 trả lời “ L đi chùa không có ở nhà”, L1 không tin lời nói của T3 nên cùng với T1 đi vào nhà của chị L, còn T2 và H đứng trước cửa. Khi đến phòng khách T1 dừng lại, không đi tiếp, L1 tiếp tục đi vào đến phòng ngủ thứ nhất, cửa phòng mở, L1 nhìn vào không thấy ai ở trong phòng, thấy 01 điện thoại Iphone 11 màu trắng đang để sạc pin trên kệ cập cửa phòng nên L1 lén lút lấy điện thoại bỏ vào túi quần bên phải, rồi tiếp tục đi đến phòng ngủ thứ 2 nhìn vào không thấy ai, đến phòng ngủ thứ 3 thì thấy cháu Tô Chí V, sinh ngày 13/9/2010, con của chị L đang ở trong phòng. L1 đi ra trước nhà nói chuyện khoảng 30 phút rồi chờ T1 đi về thị trấn V.

Ngày 21/6/2024 chị L đến Công an xã T, huyện V trình báo việc bị mất trộm điện thoại Iphone 11 và số tiền mặt hơn 17 triệu đồng. Qua làm việc, L1 thừa nhận đã lén lút lấy 01 điện thoại Iphone 11 của chị Linh mục Đ để xem nhật ký điện thoại và đã giao nộp điện thoại cho Công an xã T, riêng số tiền hơn 17 triệu đồng, L1 không thừa nhận lấy trộm.

Tại Biên bản phiên họp định giá tài sản số 145/BB-HĐĐG và Bản kết luận định giá tài sản số 146/KL-HĐĐG cùng ngày 31/07/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện V, tỉnh Long An: Giá trị của 01 điện thoại Iphone 11 màu trắng, 64GB đã qua sử dụng tại thời điểm định giá ngày 10/04/2024 có giá trị thành tiền là 5.500.000 đồng.

Đối với chiếc xe Honda biển số 62D1 – 15248 mà L1 chở T1 đến nhà L là của ông Lê Văn P, ông P cho Lý mượn sử dụng và không biết L1 phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ.

Về vật chứng vụ án: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu trắng 64GB, số sê ri GONC20AA8N736. Xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên ngày 05/09/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho chị Nguyễn Thị Thùy L. Chị L đã nhận lại tài sản.

Tại bản cáo trạng số 42/CT-VKSVH ngày 26/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng đã truy tố Lê Thị L1 về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2024/HS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 38, 50, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Thị L1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Thị L1 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 30 tháng 01 năm 2025, bị hại Nguyễn Thị Thùy L kháng cáo yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 17.800.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Lê Thị L1 thừa nhận đã thực hiện hành vi đúng như bản án sơ thẩm đã xử và xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng, không oan. Bị cáo thống nhất với phần Quyết định của bản án sơ thẩm.

Bị hại Nguyễn Thị Thùy L chỉ kháng cáo về trách nhiệm dân sự về việc yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 17.800.000 đồng. Bị hại cho rằng số tiền này là tiền bị hại đã nhận được từ việc thanh toán tiền đặt nấu đám tiệc nhưng chưa cất trong tủ mà để trên đầu giường của bị hại, chung căn phòng nơi bị cáo đã lấy điện thoại. Bị cáo thừa nhận chỉ lấy chiếc điện thoại do để sạc trên kệ ngay cạnh cửa phòng, bị cáo không bước vào phòng và không đến giường của bị hại.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về hình thức và thủ tục kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Thùy L trong thời gian luật định, những yêu cầu kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lê Thị L1 có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng pháp luật, không oan.

Bị hại Nguyễn Thị Thùy L kháng cáo yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 17.800.000 đồng, nhưng không bổ sung thêm tình tiết gì mới trong khi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V cũng đã không xác định được mà chỉ chứng minh được và bị cáo thừa nhận chỉ lén lút lấy điện thoại của bị hại. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị hại. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 41 /2024/HS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An về phần tuyên về trách nhiệm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị hại Nguyễn Thị Thùy L kháng cáo trong thời hạn luật quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm đúng theo quy định của Điều 340 và Điều 344 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường cùng với bản kết luận định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 10/4/2024, tại ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Long An, Lê Thị L1 đã lén lút lấy 01 điện thoại Iphone 11 màu trắng, bộ nhớ 64GB, số sê ri GONC20AA8N736, được định giá có giá trị thành tiền là 5.500.000 đồng của chị Nguyễn Thị Thùy L. Như vậy, đủ căn cứ kết luận Lê Thị L1 phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, tài sản đã thu hồi cho chủ sở hữu là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Xét kháng cáo của bị hại: bị hại Nguyễn Thị Thùy L kháng cáo yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 17.800.000 đồng, nhưng không cung cấp tình tiết gì mới chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Bởi lẽ, việc chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Trong vụ án này, bị cáo L1 chỉ thừa nhận chiếm đoạt của bị hại 01 điện thoại di động, không thừa nhận việc chiếm đoạt tiền của bị hại. Ngoài ra, vụ án xảy ra vào ngày 10/4/2024, bị hại cho rằng có trình báo Công an xã T nhưng đến ngày 21/6/2024 (hơn 02 tháng) bị hại mới có đơn chính thức trình báo làm rõ. Bị hại cho rằng do tạo điều kiện cho bị cáo và bị hại thương lượng nhưng không đưa ra được chứng cứ là biên bản hay văn bản nào thể hiện sự thương lượng này. Hơn nữa, khi Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường thì thời gian đã lâu hiện trường bị xáo trộn nên không thể tiến hành thu các dấu vân tay hay vết chân, vết dép của bị cáo cũng do một phần do trình báo không kịp thời của bị hại và không báo cáo kịp thời của Công an xã T. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát Điều tra không chứng minh được việc bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 17.800.000 đồng như bị hại trình bày. Do đó căn cứ Điều 13 của Bộ luật Tố tụng Hình sự về nguyên tắc suy đoán vô tội và Điều 15 Bộ luật Tố tụng Hình sự về nguyên tắc xác định sự thật khách quan của vụ án không đủ căn cứ xác định bị cáo L1 có chiếm đoạt số tiền 17.800.000đ của bị hại L. Do đó, không thể xem xét chấp nhận kháng cáo của bị hại L về việc buộc bị cáo phải trả lại số tiền 17.800.000 đồng cho bị hại.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2024/HS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An về phần trách nhiệm dân sự như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5] Về án phí: Bị hại Nguyễn Thị Thùy L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận. Bị cáo và bị hại không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Thùy L; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2024/HS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An về phần trách nhiệm dân sự.

2. Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị L1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i và s khoản 1 Điều 51; Điều 50, Điều 65 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Thị L1 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị L1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm mới và tổng hợp hình phạt tù của bản án trước theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị hại Nguyễn Thị Thùy L phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm sung vào ngân sách nhà nước. Chuyên số tiền 300.000đ bà L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002218 ngày 07/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện

Vĩnh Hưng sang khoản phải thi hành, bà L đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm. Bị cáo và bị hại không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- CQĐT Công an huyện;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Khánh